

ĐỀ THI MẪU
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TUYỂN SINH BẠC SAU ĐẠI HỌC
KHỐI NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẦN TRẮC NGHIỆM (Thời gian làm bài: 100 phút)

Phần 1: Tư duy định tính 1 (30 phút)

1. Đọc hai đoạn trích sau:

Không thể nhận định về sự đảo lộn của một thời đại căn cứ vào ý thức của thời đại đó. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội.

Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật v.v. đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế.

Hai đoạn trích trên chủ yếu nói về vấn đề gì?

- A. Về quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- B. Về quan hệ giữa tôn giáo và triết học
- C. Về quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- D. Về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

2. Đọc đoạn trích sau:

“Khi trở thành tiền, vàng có thể được sử dụng như một thước đo giá trị phổ biến. Tuy vậy, không phải tiền làm cho các hàng hóa có thể đo chung được giá trị. Trái lại, chính vì tất cả các hàng hóa, với tư cách là những giá trị, đều là lao động của con người đã được vật hóa, nên tự bản thân chúng có thể đo lường giá trị bằng cùng một thứ hàng hóa đặc biệt, và do đó, đã biến hàng hóa đặc biệt ấy thành một thước đo giá trị chung cho chúng, nghĩa là thành tiền. Với tư cách là thước đo giá trị, tiền là hình thái thể hiện tất yếu của cái thước đo giá trị nội tại của các hàng hóa”.

Thước đo giá trị nội tại của các hàng hóa được nói trong đoạn trích là gì?

- A. Công dụng nội tại hàm chứa trong các hàng hóa
- B. Tính có ích hay giá trị sử dụng của hàng hóa
- C. Vàng khi thực hiện chức năng thước đo giá trị phổ biến
- D. Thời gian lao động kết tinh trong hàng hóa

3. Đọc đoạn trích sau:

“Trong sản xuất vật chất, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không phụ thuộc vào ý muốn của họ - tức là những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lí và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó”.

Vận dụng quan điểm trong đoạn trích trên và kiến thức đã học, hãy xác định luận điểm nào sau đây là SAI?

- A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, xét đến cùng quyết định sự phát triển xã hội
- B. Kiến trúc thượng tầng, chính trị, pháp lí phụ thuộc vào quan hệ sản xuất, do quan hệ sản xuất quyết định
- C. Con người có thể lựa chọn quan hệ sản xuất theo mong muốn chủ quan của mình
- D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

4. Đọc đoạn trích sau:

“Chức năng thứ nhất của vàng là đem lại cho thế giới hàng hóa một vật liệu để biểu hiện giá trị, tức là biểu hiện giá trị của các hàng hóa thành những đại lượng có cùng một tên gọi, giống nhau về chất và có thể so sánh với nhau về lượng. Vậy là vàng làm được chức năng thước đo giá trị phổ biến, và trước hết, chính do chức năng ấy mà vàng – thứ hàng hóa ngang giá đặc biệt đó – đã trở thành tiền”.

Theo đoạn trích trên, ý nào dưới đây thể hiện đúng nhất bản chất của tiền?

- A. Là một hàng hóa đặc biệt đóng vai trò vật ngang giá chung phổ biến
- B. Là vàng với tư cách là một vật biểu hiện giá trị của một số hàng hóa
- C. Là vật liệu biểu hiện giá trị của một hàng hóa nào đó
- D. Là hình thái tương đối của giá trị hàng hóa trong phương trình trao đổi

5. Đọc đoạn trích sau:

“Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không phụ thuộc vào ý muốn của họ - tức là những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lí và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó”.

Dựa trên quan điểm thể hiện trong đoạn trích, xác định luận điểm nào dưới đây là đúng?

- A. Ý thức xã hội luôn quyết định quan hệ sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất luôn tồn tại trong trạng thái tách rời nhau
- C. Quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và quyết định kiến trúc thượng tầng
- D. Quan hệ sản xuất do kiến trúc thượng tầng pháp lí và chính trị quyết định

6. Đọc đoạn trích sau:

“Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lí khách quan không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lí luận, mà là một vấn đề thực tiễn, chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lí”.

Đoạn trích trên đây khẳng định điều gì?

- A. Lí luận chặt chẽ, không có mâu thuẫn là tiêu chuẩn của chân lí
- B. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lí
- C. Tính chân lí của tư duy được chứng minh hoàn toàn bằng lí luận
- D. Tính chân lí của tư duy hoàn toàn không phụ thuộc vào thực tiễn

7. Đọc đoạn trích sau:

“Chừng nào chúng ta xem xét các sự vật như là đứng im và không sinh khí, cái nào riêng cái ấy, cái này bên cạnh cái kia và hết cái này đến cái kia, thì chắc chắn chúng ta không thấy được mâu thuẫn nào trong các sự vật cả..., nhưng tình hình sẽ khác hẳn khi chúng ta bắt đầu xem xét các sự vật trong sự vận động, sự biến đổi, sự sống, sự tác động lẫn nhau của chúng. Lúc đó chúng ta sẽ lập tức thấy mâu thuẫn. Bản thân sự vận động đã là mâu thuẫn”.

Luận điểm nào sau đây được khẳng định trong đoạn trích trên?

- A. Mâu thuẫn là hiện tượng khách quan và phổ biến
- B. Mâu thuẫn là một hiện tượng khách quan, nhưng không phải là hiện tượng phổ biến
- C. Mâu thuẫn phụ thuộc vào cách xem xét của con người
- D. Mâu thuẫn hoàn toàn do ý kiến chủ quan của con người quyết định

8. Đọc đoạn trích sau:

“Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”.

Theo đoạn trích trên, nhận định nào dưới đây là SAI?

- A. Thuộc tính chung của vật chất là tồn tại khách quan và đem lại cho con người trong cảm giác
- B. Ý thức của con người là sự phản ánh hiện thực khách quan
- C. Vật chất nói chung không đồng nhất với một dạng vật chất cụ thể
- D. Vật chất chỉ là những gì con người nhận biết được bằng cảm giác

9. Đọc đoạn trích sau:

“Không phải bất kì một số tiền nào, hoặc giá trị nào có thể chuyển hóa thành tư bản được; trái lại, tiền đề của sự chuyển hóa đó là một số tiền hoặc giá trị trao đổi tối thiểu nhất định trong tay kẻ sở hữu tiền hay hàng hóa. Ở đây cũng như trong khoa học tự nhiên tính chất đúng đắn của quy luật..., chuyển hóa giữa lượng và chất được chứng minh”.

Theo nội dung của đoạn trích, nhận định nào dưới đây là SAI?

- A. Không phải bất kì một số tiền nào cũng có thể chuyển hóa thành tư bản
- B. Để trở thành tư bản, tiền cần phải tích lũy đến một khối lượng nào đó trong tay kẻ có tiền
- C. Mọi sự tích lũy về tiền đều có khả năng biến nó thành tư bản
- D. Khi lượng tiền tích lũy chưa đủ, nó không thể chuyển thành tư bản

10. Đọc đoạn trích sau:

“Về mặt sinh học, mà cụ thể là bộ óc của con người không phát triển bình thường thì không thể có ý thức. Ngược lại, bộ óc của con người phát triển bình thường, nhưng con người không có ngôn ngữ, không tham gia lao động cải tạo tự nhiên, xã hội thì ý thức cũng không thể nảy sinh và phát triển bình thường. Người nào càng tham gia hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên, xã hội thì càng có điều kiện và cơ hội phát triển ý thức của bản thân”.

Theo đoạn trích trên thì điều kiện cần và đủ cho ý thức nảy sinh và phát triển là:

- A. Có ngôn ngữ và tham gia lao động cải tạo tự nhiên
- B. Có bộ óc bình thường và có ngôn ngữ
- C. Có bộ óc bình thường, có ngôn ngữ và tham gia lao động, cải tạo tự nhiên và xã hội
- D. Tham gia lao động cải tạo tự nhiên và xã hội

Đọc đoạn trích sau và trả lời từ câu hỏi 11 đến câu hỏi 12:

“*Chất* thuần túy không tồn tại, mà những sự vật có vô vàn *chất* mới tồn tại. Trong hai sự vật khác nhau, luôn có một vài *chất* chung nào đó (ít nhất cũng là những thuộc tính chung của tính vật chất) và những *chất* khác nhau về mức độ, còn những *chất* khác nữa thì có thể hoàn toàn không có ở một trong những sự vật ấy”.

11. Luận điểm nào dưới đây là đúng với quan điểm trình bày trong đoạn trích trên?

- A. Chất và thuộc tính luôn đồng nhất với nhau, không có sự phân biệt
- B. Chất tồn tại khách quan trong sự vật và ở sự vật tồn tại nhiều chất
- C. Chất là do cảm giác con người quyết định
- D. Sự vật chỉ tồn tại một chất duy nhất

12. Theo quan điểm trình bày trong đoạn trích trên, hãy xác định nhận định nào dưới đây là SAI?

- A. Có chất thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật
- B. Chất tồn tại gắn liền với sự vật, không tồn tại ngoài sự vật
- C. Sự vật không phải chỉ có một chất mà có nhiều chất
- D. Chất tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý thức con người

Đọc đoạn trích sau và trả lời từ câu hỏi 13 đến câu hỏi 15

“Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản phải được giải thích trên cơ sở những quy luật nội tại của của việc trao đổi hàng hóa, tức là phải lấy việc trao đổi ngang giá làm điểm xuất phát. Người có tiền của chúng ta hiện mới là nhà tư bản trong trạng thái “nhộng”, còn phải mua và bán các hàng hóa ấy theo giá trị của chúng, nhưng ở cuối quá trình ấy, hần ta lại thu được nhiều giá trị hơn là số mà hần đã bỏ ra. Việc hần chuyển hóa thành “con bướm” phải diễn ra trong lĩnh vực lưu thông và đồng thời lại không phải ở trong lĩnh vực lưu thông”.

13. Ý nào dưới đây phản ánh sát nhất ý chính của đoạn trích?

- A. Các quy luật nội tại của việc trao đổi hàng hóa
- B. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
- C. Nội dung của công thức chung của tư bản
- D. Vai trò của lưu thông trong việc biến tiền thành tư bản

14. Trong đời sống thực tế, phần giá trị nhiều hơn mà nhà tư bản thu được so với số tiền bỏ ra được gọi là:

- A. Lợi nhuận thương nghiệp
- B. Giá trị thặng dư
- C. Lợi tức
- D. Lợi nhuận

15. Trong đoạn trích trên, quy luật nào dưới đây là quy luật nội tại của việc trao đổi hàng hóa được đề cập, diễn giải?

- A. Quy luật lưu thông tiền tệ
- B. Quy luật giá trị
- C. Quy luật giá trị thặng dư
- D. Quy luật cung cầu

Phần 2: Tư duy định tính 2 (60 phút)

16. Cho câu:

“Nhận thức đi từ những tri thức riêng lẻ, rời rạc đến những tri thức chung là loại suy luận.....”

Trong các cụm từ dưới đây, hãy chọn một cụm từ, điền vào chỗ trống trong câu trên để được câu có nội dung đúng.

- A. (Suy luận) quy nạp
- B. (Suy luận) tương tự
- C. (Suy luận) trực tiếp
- D. (Suy luận) diễn dịch

17. Khái niệm luôn thể hiện mình thông qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ thể hiện khái niệm phải đảm bảo yêu cầu bắt buộc nào sau đây:

- A. Dùng mệnh đề đơn giản, dễ hiểu
- B. Không được dùng mệnh đề phủ định
- C. Dùng ngôn ngữ tường minh, đơn nghĩa
- D. Dùng các danh từ để diễn đạt khái niệm

18. Cho câu:

“Nếu không nắm vững các quy tắc và quy luật của nhận thức thì không thể có phương pháp tư duy khoa học”

Hãy xác định câu nào trong các câu dưới đây có nội dung tương đương với nội dung của câu đã cho:

- A. Muốn có phương pháp tư duy khoa học thì phải nắm vững các quy tắc và quy luật của nhận thức.
- B. Nếu không có phương pháp tư duy khoa học thì không nắm vững các quy tắc và quy luật của nhận thức.
- C. Nếu nắm vững các quy tắc và quy luật của nhận thức thì có phương pháp tư duy khoa học.
- D. Hoặc là nắm vững các quy tắc và quy luật của nhận thức hoặc là có phương pháp tư duy khoa học.

19. Trong các từ sau đây, hãy chọn một từ có nghĩa KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. Thẳng băng
- B. Thẳng đuột
- C. Thẳng thừng
- D. Thẳng đuối

20. Nhận thức, tư duy của con người muốn phản ánh đúng về đối tượng thì phải tuân thủ nguyên tắc bắt buộc nào sau đây:

- A. Nhận thức, tư duy phải chứng minh được sự tồn tại của đối tượng
- B. Nhận thức, tư duy phải đặt tên cho đối tượng, phản ánh trực tiếp về đối tượng
- C. Nhận thức, tư duy phải có năng lực trừu tượng cao
- D. Nhận thức, tư duy phải phản ánh đối tượng như nó đang tồn tại và trong sự vận động, phát triển của nó

21. Cho câu:

“Hồ Tây không nông nên sâu”.

Hãy cho biết câu nào dưới đây có nội dung mâu thuẫn với nội dung của câu đã cho:

- A. Không có chuyện Hồ Tây không nông nên sâu
- B. Không có chuyện Hồ Tây vừa nông, vừa sâu
- C. Hồ Tây sâu nên không nông
- D. Hồ Tây vừa nông vừa sâu

22. Để chứng minh đúng một luận điểm, cần phải tuân thủ nguyên tắc bắt buộc nào sau đây?

- A. Không được chứng minh bằng phản chứng
- B. Các dữ kiện của phép chứng minh phải đúng và đủ
- C. Phải dùng phương pháp chứng minh trực tiếp
- D. Phải xuất phát từ thực tiễn

23. Trong mối quan hệ giữa cái toàn thể và cái bộ phận, phương pháp nhận thức nào sau đây là đúng?

- A. Nếu cái toàn thể đúng thì vẫn có bộ phận trong nó là sai
- B. Nếu cái toàn thể sai thì mọi cái bộ phận trong nó đều sai
- C. Nếu có một bộ phận sai thì cái toàn thể bao hàm nó sai
- D. Nếu cái bộ phận đúng thì cái toàn thể bao hàm nó đúng

24. Trong các từ sau đây, hãy chọn một từ có nghĩa KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại?

- A. Hôm nọ
- B. Một mai
- C. Dạo trước
- D. Hôm kia

25. Hãy xác định một từ/cụm từ được dùng SAI (về nghĩa, hoặc ngữ pháp và/hoặc logic) trong câu dưới đây bằng cách chọn một phương án đúng trong bốn phương án A, B, C, D.

Bất cứ một cá nhân nào muốn trở thành một thành phần của xã hội thì nhất thiết phải học hỏi các tri thức, kỹ năng, quy phạm mà xã hội đã có được nhờ tích lũy theo thời gian.

- A. Cá nhân
- B. Thành phần
- C. Học hỏi
- D. Nhờ tích lũy

26. Yêu cầu nào sau đây KHÔNG nhất thiết phải có ở một phép chứng minh đúng:

- A. Các dữ kiện để chứng minh phải đa dạng, phong phú
- B. Các dữ kiện của chứng minh phải đủ
- C. Các dữ kiện để chứng minh phải chuẩn xác và không mâu thuẫn
- D. Kết luận của phép chứng minh phải được rút ra từ các dữ kiện ở luận đề

27. Hãy xác định một từ/cụm từ được dùng SAI (về nghĩa, hoặc ngữ pháp và/hoặc logic) trong câu dưới đây bằng cách chọn một phương án đúng trong bốn phương án A, B, C, D.

Đôi khi chúng ta vẫn có suy nghĩ rằng, theo truyền thống, người Việt nhìn chung cần cù, chịu khó và kết quả của nhiều cuộc khảo sát cho thấy tính tích cực nghề nghiệp của người lao động nước ta không cao.

- A. Đôi khi
- B. Theo truyền thống
- C. Và
- D. Tích cực nghề nghiệp

28. Cho câu:

“Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”.

Câu nào dưới đây có hình thức diễn đạt tương đương với câu đã cho?

- A. Chẳng vinh quang nào dành cho kẻ hèn nhất
- B. Không phải số tự nhiên nào cũng là số lẻ
- C. Phần lớn người Việt Nam đều yêu nước
- D. Nhà văn không thể không có kiến thức xã hội

29. Nội dung của một khái niệm khi phản ánh về đối tượng phải đảm bảo một trong những yêu cầu bắt buộc nào sau đây?

- A. Phải chỉ ra được tất cả các dấu hiệu tồn tại của đối tượng
- B. Phải chỉ ra được những dấu hiệu bản chất căn bản của đối tượng
- C. Phải chỉ ra được các liên hệ, quan hệ của đối tượng
- D. Phải chỉ ra được xu hướng phát triển của đối tượng

30. Trong khi thực hiện một suy luận, để có được một kết luận đúng đắn, suy luận phải thỏa mãn điều kiện bắt buộc nào sau đây?

- A. Chỉ thực hiện suy luận trực tiếp
- B. Mệnh đề kết luận không phải là mệnh đề phủ định
- C. Các tiền đề phải chân thực và suy luận phải tuân thủ các quy tắc
- D. Tiền đề phải luôn là những tri thức chung

31. Hãy xác định một từ/cụm từ được dùng SAI (về nghĩa, hoặc ngữ pháp và/hoặc logic) trong câu dưới đây bằng cách chọn một phương án đúng trong bốn phương án A, B, C, D.

Ngoài những khó khăn do rào cản ngôn ngữ, hạn chế trong những thành tựu nghiên cứu của các học giả Pháp trong gần một nửa thế kỷ về văn học Việt Nam trước hết là còn do tâm lý học thuật thực dân ở không ít người, trong lúc đó có những người đóng vai kép: vừa là quan chức của bộ máy cai trị, vừa là học giả.

- A. Rào cản
- B. Tâm lý học thuật
- C. Trong lúc đó
- D. Vai kép

32. Nếu hai khái niệm có nội dung phản ánh không hoàn toàn giống nhau, nhưng có đối tượng phản ánh hoàn toàn trùng nhau thì hai khái niệm đó nằm trong quan hệ nào sau đây?

- A. Quan hệ giao nhau
- B. Quan hệ bao hàm
- C. Quan hệ ngang hàng
- D. Quan hệ đồng nhất

33. Suy luận:

“Mọi kim loại đều dẫn điện; mà nước cũng dẫn điện nên nước là kim loại” đã vi phạm lỗi nào của tư duy trong các lỗi sau?

- A. Suy luận xuất phát từ các tiền đề không chân thực
- B. Suy luận đi từ cái chung đến cái chung
- C. Suy luận có kết luận mâu thuẫn với các tiền đề của nó
- D. Suy luận không tuân thủ các quy luật và quy tắc của tư duy đúng đắn

34. Muốn định nghĩa đúng một khái niệm, yêu cầu bắt buộc là:

- A. Không được dùng mệnh đề phủ định để định nghĩa
- B. Phải dùng ngôn ngữ trừu tượng để diễn đạt khái niệm
- C. Phải có sự tồn tại của đối tượng
- D. Phạm vi của khái niệm được định nghĩa và khái niệm dùng để định nghĩa phải bằng nhau

35. Từ mệnh đề “Mọi kim loại đều dẫn điện” có thể chọn kết luận nào tất yếu đúng trong các kết luận sau?

- A. Một số chất dẫn điện là kim loại
- B. Mọi chất dẫn điện đều là kim loại
- C. Mọi chất dẫn điện không thể không là kim loại
- D. Tất cả các chất dẫn điện là kim loại

36. Cao trào đấu tranh cách mạng năm 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh đã thể hiện sức mạnh đấu tranh mới của nhân dân Việt Nam. Sự kiện lịch sử trên để lại những thành tựu to lớn và những bài học kinh nghiệm quý giá cho tiến trình đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Lý do dẫn đến sự ra đời của chính quyền Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930– 1931) là:

- A. Chính quyền thực dân ở địa phương đã đầu hàng cách mạng
- B. Chủ trương của cấp bộ địa phương
- C. Chủ trương của Trung ương Đảng
- D. Chủ trương xây dựng chính quyền Xô Viết của Quốc tế cộng sản

37. Thành tựu quan trọng nhất của cao trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ Tĩnh là:

- A. Xây dựng được mặt trận đoàn kết toàn dân tộc
- B. Xác lập được vai trò lãnh đạo cách mạng duy nhất của Đảng
- C. Xác lập được vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công nông
- D. Khiến kẻ thù không xóa bỏ được ảnh hưởng của phong trào

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời từ câu hỏi 38 đến câu hỏi 39

Trong suốt thế kỷ mười bảy và mười tám, kinh tế của Hội An đã được thương mại hóa. Những dữ liệu tổng hợp từ các sản phẩm mậu dịch, sử kí, văn chương, báo cáo hành chính... đủ giúp chúng ta liên tưởng đến việc người dân khắp vùng nội địa đã tham gia vào hoạt động thương mại hướng tới Hội An như thế nào, bất luận đó là những người thu hái trên vùng cao nguyên, những kẻ cấy cày lấy công tại vùng đất thấp, những công nhân đồn điền, hay những người đánh cá ven biển. Nhiều người trong vùng lân cận của Hội An đã tham gia toàn bộ thời gian của họ vào hoạt động sản xuất, chuyển vận và mậu dịch này. Tuy nhiên, một bộ phận cư dân địa phương chỉ tham gia vào nền kinh tế thương mại một khoảng thời gian nào đó trong năm, phục vụ cho mục đích lao động “kiếm sống” rất rõ ràng của họ. Vai trò của họ trong công cuộc mậu dịch của Hội An, tuy thế, hoàn toàn không chỉ mang tính chất ngoại vi. Có đủ các dữ liệu hiện hữu để phác thảo một tác phẩm về các **thành phần** ít được chú ý này trong công cuộc mậu dịch của Hội An, đủ để cho chúng ta thấy rằng Hội An không thể hoạt động mà không có sự hiện diện và tham gia của họ, cũng như các dịch vụ và sản phẩm mà họ đã cung cấp.

38. Từ “thành phần” ý muốn nói đến:

- A. Các thương nhân và người đi biển
- B. Những công nhân đồn điền
- C. Người dân khắp vùng nội địa
- D. Một bộ phận cư dân địa phương

39. Ý chính của đoạn trích là:

- A. Vai trò của cư dân bản địa trong quá trình thương mại hóa ở Hội An
- B. Sự tham gia hợp lý của cư dân bản địa trong các hoạt động thương mại
- C. Quá trình thương mại hóa ở Hội An
- D. Những dữ liệu về vai trò của người Hội An đối với quê hương mình

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời từ câu hỏi 40 đến câu hỏi 42

Tri thức tạo ra quyền lực, mà quyền lực thì lại đòi hỏi tinh thần trách nhiệm, đòi hỏi phải có ý thức tính đến những hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp do các hành động của chúng ta gây ra. Người ta vẫn thường thấy nhiều công trình nghiên cứu khoa học được tiến hành với chủ ý tốt (mặc dù điều này không phải lúc nào cũng vậy) khi rơi vào tay một số chính trị gia, nhà quân sự hoặc doanh nhân, đã bị họ sử dụng với những mục đích đáng ngờ. Chẳng ai lạ gì **sự đan xen nhau giữa khoa học, quyền lực và kinh tế**. Tuy nhiên, rất ít nhà khoa học nghi ngờ tính hợp pháp của một số công trình nghiên cứu, mặc dù những "**chuyển hướng sử dụng**" của chúng là hoàn toàn có thể dự báo được. Thường thường, chỉ khi cái ác đã xảy ra rồi thì họ mới bắt đầu nghi ngờ, như trường hợp của các nhà khoa học cha đẻ của bom nguyên tử chẳng hạn. Một số nhà khoa học thậm chí còn không thêm tự ẩn mình phía sau bức tường vốn từng được xem là trung lập của những nghiên cứu cơ bản, mà còn hợp tác tích cực với việc chế tạo các loại vũ khí, vi trùng và các công cụ gây đau khổ khác.

40. Nội dung đoạn trích muốn nói về:

- A. Tinh thần trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học
- B. Vai trò của quyền lực và kinh tế
- C. Trách nhiệm của người có tri thức
- D. Quan hệ giữa khoa học, quyền lực và kinh tế

41. Cụm từ "chuyển hướng sử dụng" trong đoạn trích có ẩn ý là:

- A. Công trình khoa học bị chuyển từ mục tiêu nhận thức sang mục tiêu kinh tế
- B. Công trình khoa học bị chuyển từ mục tiêu nhận thức khoa học sang phục vụ những mưu đồ xấu
- C. Công trình khoa học bị chuyển từ mục tiêu nhận thức khoa học sang nhận thức chủ quan
- D. Việc thay đổi từ nghi ngờ sang tin tưởng mục tiêu sử dụng các kết quả nghiên cứu

42. Cụm từ "sự đan xen nhau giữa khoa học, quyền lực và kinh tế" được hiểu là:

- A. Không có ranh giới rõ ràng giữa khoa học, quyền lực và kinh tế
- B. Sản phẩm khoa học có thể được sử dụng vào mục đích kinh tế hoặc chính trị
- C. Nhà khoa học có quyền kinh doanh các sản phẩm của mình
- D. Khoa học, quyền lực và kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời từ câu hỏi 43 đến câu hỏi 45

Tư tưởng với tư cách là đối tượng miêu tả, chiếm vị trí to lớn trong sáng tác của Đôxtôiépki, nhưng dù sao, đó không phải là nhân vật trong các tiểu thuyết của ông.

Nhân vật của ông là con người. Xét đến cùng, nhà văn không miêu tả tư tưởng trong con người, mà nói theo lời ông, là miêu tả "con người trong con người". Tư tưởng, đối với ông, hoặc là hòn đá để thử nghiệm con người trong con người, hoặc là hình thức phát hiện con người, hoặc là, và đây là cái chính, môi trường bộc lộ con người trong bản chất sâu kín của nó. Vì thế, Đôxtôiépki đã không miêu tả đời sống của tư tưởng hay mối quan hệ qua lại giữa các tư tưởng, mà là miêu tả sự tác động qua lại giữa các ý thức trong phạm vi tư tưởng. Vì vậy, chúng tôi thấy thuật ngữ "tiểu thuyết tư tưởng" là không phù hợp, nó dẫn ta xa rời nhiệm vụ nghệ thuật đích thực của Đôxtôiépki.

43. Theo đoạn trích, có thể hiểu nhiệm vụ nghệ thuật đích thực của Đôxtôiépki là gì?

- A. Miêu tả tư tưởng của con người
- B. Thông qua tư tưởng, miêu tả "con người trong con người"
- C. Biểu hiện mối quan hệ qua lại giữa các tư tưởng
- D. Miêu tả sự tác động qua lại của các ý thức trong phạm vi tư tưởng

44. *Tư tưởng* theo quan điểm của Đôxtôiépki là gì?

- A. Con người trong bản chất sâu kín nhất của nó
- B. Nhân vật trong các tiểu thuyết của ông
- C. Môi trường bộc lộ con người trong bản chất sâu kín nhất của nó
- D. Bản chất sâu kín nhất của con người

45. "Tiểu thuyết tư tưởng" KHÔNG PHẢI là tên gọi phù hợp cho tác phẩm của Đôxtôiépki vì:

- A. Tư tưởng chỉ là nơi thử nghiệm, phát hiện và bộc lộ ý thức sâu kín của con người
- B. Tư tưởng không phải là đối tượng miêu tả của ông
- C. Tư tưởng không phải là nhân vật trong các tiểu thuyết của ông
- D. Tiểu thuyết của ông chỉ miêu tả các ý thức trong phạm vi tư tưởng

Phần 3: Tư duy định lượng (10 phút)

46. Báo cáo của một sở giáo dục cho biết 30% học sinh lớp 12 của tỉnh có học lực giỏi. Một đoàn kiểm tra chọn ngẫu nhiên 100 em thì trong đó chỉ có 20 em có học lực giỏi. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. Chưa thể khẳng định báo cáo là quá sự thật với mức ý nghĩa 1%
- B. Chắc chắn báo cáo là quá sự thật
- C. Thông tin đã cho chưa đủ để kiểm định xem báo cáo có quá sự thật hay không
- D. Có thể khẳng định báo cáo là quá sự thật với mức ý nghĩa 1%

Cho biết phân vị trên mức 1% của phân bố chuẩn tắc là: $u(0,01)=2,33$.

47. Cho dãy số liệu: 8; 12; 7; 6; 8; 15; 19; 9.

Bổ sung hai số a và b nào dưới đây vào dãy thì trung vị (còn gọi là Median) của nó KHÔNG thay đổi?

- A. 6 và 9
- B. 9 và 9
- C. 8 và 8
- D. 9 và 10

48. Trong một kỳ thi vấn đáp, một sinh viên được yêu cầu bốc thăm ngẫu nhiên 2 câu hỏi để trả lời trong số 20 câu hỏi bao gồm 5 câu khó, 10 câu trung bình và 5 câu dễ. Xác suất để sinh viên này phải trả lời ít nhất một câu khó là:

- A. $\frac{13}{38}$
- B. $\frac{25}{38}$
- C. $\frac{19}{38}$
- D. $\frac{17}{38}$

49. Cho dãy số liệu (A) gồm các phân tử sau:

8; 4; 2; 5; 4; 2; 4; 7

Dãy số liệu (B) thu được từ dãy số liệu (A) bằng cách chia mỗi phân tử của nó cho 1,5. Gọi S_A và S_B tương ứng là độ lệch tiêu chuẩn mẫu của dãy (A) và dãy (B). Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. $S_A = S_B$
- B. $S_A > S_B$
- C. $S_A < S_B$
- D. Chưa đủ thông tin để so sánh S_A và S_B

50. Chiều cao của một nam sinh lớp 12 có phân bố chuẩn với trung bình 170cm và độ lệch tiêu chuẩn 5cm. Gọi P_1, P_2 tương ứng là tỷ lệ nam sinh lớp 12 cao hơn 175cm, thấp hơn 165cm. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. $P_1 = P_2$
- B. $P_1 > P_2$
- C. $P_1 < P_2$
- D. Chưa đủ thông tin để so sánh P_1 và P_2

-----HẾT PHẦN TRẮC NGHIỆM -----

PHẦN VIẾT LUẬN (Thời gian làm bài: 50 phút)

Bàn về việc lựa chọn nghề nghiệp, có ý kiến cho rằng: Trong xã hội hiện nay, nhiều người chọn nghề vì nghề đó mang lại thu nhập cao chứ không phải vì đam mê.

Hãy viết một bài (khoảng 550-600 từ) bàn về ý kiến trên. Cần nói rõ ý kiến dựa trên những giả định nào và giả định đó có cơ sở hay không?

----HẾT ĐỀ THI----
